

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Đức Long và bà Từ Thị Hải Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa trực tuyến với điểm cầu Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLPT-DS, ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/TCDS - ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1057/2022/QĐXXPT-DS ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

**1. Đồng nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1973 và ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**- Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021) có đơn xin xét xử vắng mặt.

**3. Đồng bị đơn:** Anh Ngô Văn S, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

**- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Nguyễn Thái T, Văn phòng luật sư Th, có mặt.

**Người kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị X và anh Ngô Văn S là đồng bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 của đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn Th và bà Nguyễn Thị Nh trình bày:*

Từ năm 2016 – 2020 vợ chồng ông Th, bà Nh có bán thức ăn chăn nuôi là bột gà, vịt cho vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X. Trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi, vợ chồng anh S, chị X có thanh toán, nhưng còn nợ lại một phần. Cộng dồn lại tính đến ngày 04/4/2021 với số tiền là 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) và đã có giấy ghi nợ. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh S, chị X không thanh toán nợ cho vợ chồng ông Th, bà Nh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ông Th và bà Nh đã nhiều lần đề nghị thanh toán. Do đó, ông Th, bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải thanh toán toàn bộ số nợ tổng cộng số tiền 640.164.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi tư ngàn đồng); trong đó tiền mua thức ăn chăn nuôi là 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh, chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) và tiền lãi 30.484.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng), kể từ ngày 04/4/2021 đến ngày 04/10/2021 do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ; yêu cầu anh S và chị X phải trả tiền lãi chậm thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

*Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th toàn bộ số tiền nợ gốc 609.680.000 đồng, không yêu cầu vợ chồng anh S, chị X phải thanh toán tiền lãi.

*- Đồng bị đơn anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X trình bày qua bản tự khai ngày 02/11/2021, cũng như tại phiên tòa:*

Năm 2016 cho đến nay vợ chồng anh S, chị X có mua thức ăn chăn nuôi là bột gà, vịt của vợ chồng bà Nh, ông Th. Trong quá trình chăn nuôi thời gian đầu thì vợ chồng anh S, chị X vẫn trả đủ cho vợ chồng ông Th, bà Nh. Nhưng đến năm 2018 do dịch bệnh gà, vịt chết hết, thua lỗ nên vợ chồng anh S, chị X có nợ lại ông Th, bà Nh số tiền 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Nay ông Th, bà Nh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh S và chị X phải trả 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) tiền gốc và 30.484.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) tiền lãi. Anh S, chị X đề nghị phía ông Th và bà Nh cho anh S, chị X thêm thời gian trả nợ, sau đó sẽ trả nợ dần cho vợ chồng ông Th, bà Nh, đến khi nào vợ chồng anh, chị có điều kiện thì sẽ trả đủ cho vợ chồng ông Th, bà Nh.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/TCDS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định:*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm c, tiểu mục 1.3, mục 1 phần 2, mục a; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th. Buộc đồng bị đơn là vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng).*

*Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (03/3/2022) cho đến khi anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X trả hết tiền nợ, hàng tháng anh Ngô Văn S, chị Nguyễn Thị X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

*2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc rút yêu cầu đồng bị đơn trả khoản tiền lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên số tiền nợ từ ngày 04/4/2021 đến ngày 04/10/2021.*

*3. Về án phí: Buộc anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải chịu 28.387.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 16.004.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004277 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.*

*Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.*

*Trong hạn luật định đồng bị đơn chị X và anh S có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho được trả nợ dần và miễn án phí vì điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.*

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn trả nợ dần số tiền gốc và miễn 3/4 mức án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.*

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin trả nợ dần của bị đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc xin miễn giảm án phí, giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và tranh luận tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã C, huyện L nên Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy thụ lý, xét xử là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị xin được trả nợ dần, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp về việc ký xác nhận nợ ghi trong sổ giao hàng, sự thừa nhận của đồng bị đơn là anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X về việc nợ tiền thức ăn chăn nuôi đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th với số tiền 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng) là đúng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do tình hình thiên tai và chăm nuôi khó khăn nên vợ chồng anh S, chị X chưa có tiền trả nợ.

Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) là có căn cứ phù hợp với các Điều 351 và 440 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn kháng cáo xin trả nợ dần nhưng không được sự đồng ý của nguyên đơn nên kháng cáo không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về rút yêu cầu đồng bị đơn trả tiền lãi số tiền 30.484.000 đồng là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung này không có đương sự kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên đồng nguyên đơn không phải chịu; đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên đồng bị đơn kháng cáo và có đơn xin miễn giảm án phí vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho đồng bị đơn ( $28.387.200 \text{ đồng} \times 50\% = 14.193.6000 \text{ đồng}$ ); về án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần nên đồng bị đơn không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 351, Điều 440 Bộ luật Dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/TCDS-ST, ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th. Buộc đồng bị đơn là vợ chồng anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh và ông Hoàng Văn Th số tiền gốc 609.680.000 đồng (Sáu trăm linh chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Anh Ngô Văn S và chị Nguyễn Thị X phải chịu 14.193.600 đồng (Mười bốn triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh S, chị X đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004413 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ

Thủy, tỉnh Quảng Bình, anh S, chị X còn phải nộp tiếp 13.893.600 đồng; anh S, chị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu Hồ sơ; Tòa Dân sự; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**